|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **DANH SÁCH NHÓM KẾT NỐI - THÀNH CÔNG** | | |
| **1** | Phạm Minh Vương | THCS Tân Lập Đồng Phú |
| **2** | Nguyễn Thị Hà | THCS Tân Lập Đồng Phú |
| **3** | Nguyễn Thị Khuyên | THCS Tân Phú Đồng Phú |
| **4** | Trần Thị Hương | THCS Tân Phú Đồng Phú |
| **5** | Nguyễn Thị Dung | THCS Tân Tiến Đồng Phú |
| **6** | Đinh Công Duẩn | TH&THCS Trần Phú Phú riềng |
| **7** | Phan Thị Tuyết Thanh | THCS Bù Nho Phú Riềng |
| **8** | Vũ Thị Loan | THCS Thuận Phú Đồng Phú |
| **9** | Hoàng Thị Ngọc | TH&THCS Bình Sơn Phú Riềng |
| **10** | Nguyễn Thị Hà | TH&THCS Phú Trung Phú Riềng |
| **11** | Nguyễn Thị Tuyết Chinh thay cô Khúc Thị Hằng | THCS &THPT Đồng Tiến Đồng Phú |

**\* Lưu ý: Đây chỉ là đề minh họa để xây dựng bảng đặc tả, câu hỏi, đáp án cho đề kiểm tra. Không dùng ngữ liệu để kiểm tra học sinh lớp 6 (Do học sinh 6 chưa học văn thuyết minh về con vật).**

**Ma trận đề kiểm tra, đánh giá giữa học kì 2**

**Môn Ngữ văn 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | | **Tổng % điểm** | |
| **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | | **TL** |  | |
| **1** | **Đọc** | Văn bản thông tin | **3** | **0** | **5** | | **0** | **0** | | **2** | **0** | | **0** | **60** | |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một hiện tượng (vấn đề) đời sống. | **0** | **1\*** | **0** | | **1\*** | **0** | | **1\*** | **0** | | **1\*** | **40** | |
| **Tổng** | | | **15** | **5** | **25** | | **15** | **0** | | **30** | **0** | | **10** | **100%** | |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | | **30%** | | | **10%** | | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | | **40%** | | | | | |

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc** | Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được các chi tiết trong văn bản.  - Nhận biết được cách thức mô tả vấn đề, tường thuật lại sự kiện trong văn bản thông tin.  - Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.  - Tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.  - Trình bày được tác dụng của nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản.  - Trình bày được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản thuật lại một sự kiện với mục đích của nó.  - Giải thích được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,...).  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được những bài học từ nội dung văn bản.  - Đánh giá được giá trị của thông tin trong văn bản hoặc cách thức truyền tải thông tin trong văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. | **1\*** | **1\*** | **1\*** | 1 TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**Đề kiểm tra, đánh giá giữa học kì 2**

**Môn Ngữ văn 6**

**I. Đọc (6,0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau:

Truyền thuyết Trung Quốc kể rằng, thời Xuân Thu chiến quốc Tề Trang Công đi săn, giữa đường gặp một con bọ ngựa, nghểnh đầu giơ càng ra để chặn xe vua lại. Vua hỏi quần thần: “Con gì đấy?” một lính hộ giá thưa: “Một con bọ ngựa không tự lựa sức mình!”. Câu này về sau cho đến nay thành thành ngữ “Bọ ngựa không biết lượng sức”. Đúng là bọ ngựa cản xe, cũng hơi quá đáng; nhưng nó có đôi tay lợi hại, côn trùng thấy nó đều phải ngại.

Bọ ngựa có một đôi chân trước, co trước ngực, trên cái cổ dài là một cái đầu nhỏ hình tam giác bẹt. Trên chiếc miệng nhỏ xíu có một cặp hàm đen tía xấu xí, cổ nó rất mềm mại, có thể quay đầu đi mọi phía. Thần thái của nó rất nhu mì.

Lúc thường, bọ ngựa đậu trên cây, màu thân nó hòa vào với môi trường làm một, nên rất khó phát hiện. Nó thường nghênh đầu, giơ chân, quan sát tình địch. Khi phát hiện mục tiêu, như tên bắn, phóng đôi dao quắm ra vồ mồi, chẳng bao giờ vồ trượt.

Bọ ngựa là côn trùng ăn thịt. Nó ăn châu chấu, ruồi, nhặng, muỗi, bướm ngài, đa số là côn trùng có hại. Một con bọ ngựa trong 2- 3 tháng, ăn hết 700 con muỗi. Sở dĩ nó bắt mồi chính xác là vì cặp mắt kép của nó có hệ thống ngắm hoàn chỉnh. Nhờ hệ thống ngắm này, quá trình vồ mồi chỉ mất 0.05 giây, trăm phát trăm trúng….

(Trích Bách khoa toàn thư tuổi trẻ, thiên nhiên và môi trường, Nguyễn Văn Thi - Nguyễn Kim Đô dịch, NXB Phụ nữ, lưu chiểu 2002, tr.511- 512)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1. Đoạn trích trên sử dụng phương thức biểu đạt nào? (Nhận biết)**

1. **Tự sự**
2. **Biểu cảm.**
3. **Thuyết minh**
4. **Nghị luận**

**Câu 2.**Từ nào trong những từ sau đây là từ láy? (Nhận biết)

A. Bọ ngựa.

B. Nhỏ xíu.

C. Truyền thuyết.

D. Mềm mại.

**Câu 3.** Trạng ngữ được in đậm trong câu: *“****Nhờ hệ thống ngắm này****, quá trình vồ mồi chỉ mất 0.05 giây, trăm phát trăm trúng.”* dùng để làm gì? (Nhận biết)

A. Chỉ thời gian.

B. Chỉ mục đích.

C. Chỉ phương tiện.

D. Chỉ địa điểm.

**Câu 4**. Câu văn: *“Thần thái của nó rất nhu mì.”* diễn tả điều gì về hình ảnh con bọ ngựa? (Thông hiểu)

A. Gợi tả hình ảnh một con bọ ngựa hiền lành, nết na như người con gái.

B. Con bọ ngựa trở nên vô cùng sinh động, gần gũi và dễ thương.  
 C. Tạo ấn tượng sâu sắc, lôi cuốn cho người đọc.

D. Lý giải sự lợi hại của con bọ ngựa.

**Câu 5. Dấu chấm phẩy trong câu “**Đúng là bọ ngựa cản xe, cũng hơi quá đáng; nhưng nó có đôi tay lợi hại, côn trùng thấy nó đều phải ngại.” được dùng để làm gì? **(Thông hiểu)**

1. Ngăn cách các bộ phận trong câu.
2. Ngăn cách các chủ ngữ trong câu.
3. Ngăn cách các vị ngữ trong câu.
4. Ngăn cách các vế của câu ghép.

**Câu 6. Các từ:** Châu chấu, ruồi, nhặng, muỗi, bướm ngài được thuộc nhóm côn trùng nào? **(Thông hiểu)**

1. Côn trùng ăn cỏ.
2. Côn trùng ăn thịt.
3. Côn trùng có hại.
4. Côn trùng ăn rác.

**Câu 7.** Nội dung chính của đoạn trích trên nói về điều gì? (Thông hiểu)

1. Truyền thuyết về con bọ ngựa.
2. Đặc điểm của con bọ ngựa.
3. Miêu tả hình dáng con bọ ngựa.
4. Bàn về việc con bọ ngựa chặn xe vua.

**Câu 8:** Chi tiết: “Một con bọ ngựa trong 2-3 tháng, ăn hết 700 con muỗi.”trong đoạn trích giúp em hiểu được điều gì? (Thông hiểu)

1. Bọ ngựa bắt mồi rất chính xác.
2. Bọ ngựa ăn rất nhiều.
3. Bọ ngựa là sát thủ diệt muỗi.
4. Bọ ngựa chỉ thích ăn muỗi.

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 9.** Em hãy trình bày nội dung chính của đoạn trích bằng một câu. (Vận dụng)

**Câu 10.** Em rút ra được bài học ý nghĩa gì từ câu văn: “Bọ ngựa không biết lượng sức” trong đoạn trích trên? (Vận dụng)

**II. Viết (4,0 điểm)**

Trường học là ngôi nhà thứ hai với biết bao điều đáng để các em quan tâm: tình thầy trò, quan hệ bạn bè, bạo lực học đường, rác thải, gian lận trong kiểm tra,… Em hãy viết một bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm nhất trong nhà trường hiện nay.

-----------------------Hết------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh trình bày được nội dung chính của đoạn văn bằng một câu có đủ chủ ngữ và vị ngữ.  Ví dụ: Đoạn văn trình bày về đặc điểm, cách bắt mồi và thức ăn của bọ ngựa. | 1,0 |
|  | **10** | Học sinh rút ra được bài học ý nghĩa của câu văn: liều lĩnh làm một việc quá sức lực của mình chắc chắn sẽ thất bại,… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm | 0,25 |
|  | *c.* Bàn luận về vấn đề:  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng; cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Nêu được vấn đề  - Biểu hiện của vấn đề  - Nêu được nguyên nhân và hậu quả của vấn đề  - Trình bày giải pháp  - Nêu suy nghĩ của bản thân về vấn đề | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghị sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |